

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HSST

Ngày: 01-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiên

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim H1ồng

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Khâm

Ông Phan Văn Minh

Ông Lê Đức Tuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2023/QĐXXST-HS ngày 18/7/2023 đối với bị cáo sau:

Lương Thị Nguyệt H. Sinh ngày 13/01/1976 tại AP, Gia Lai. Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: 40 TP, phường ĐK, thị xã AP, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Quang Ph và bà Trần Thị Hằng Ng; có chồng là Huỳnh Minh Trí D, có 02 con lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án: không, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/11/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Trương Thị Phụng là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1977

Trú tại: 63 LTT, phường HB, thị xã AP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:** Ông Phan Quang Hồng là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH LDL chi nhánh Gia Lai. Có mặt.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1986

Trú tại: 310 THĐ, phường HB, thị xã AP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Anh Nguyễn Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1983

Trú tại: 106 NH, phường HB, thị xã AP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Võ Thị Hồng V, sinh năm 1975

Trú tại: 13 LHP, phường ĐK, thị xã AP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Kiều Thị Minh Ph, sinh năm 1975

Trú tại: 28 TBH, phường ĐK, thị xã AP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Huỳnh Minh Trí D, sinh năm 1975

Trú tại: 40 TP, phường ĐK, thị xã AP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

a. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Thị Nguyệt H làm nghề buôn bán tự do các mặt hàng mỹ phẩm xách tay, bánh ngọt, trái cây tại nhà số 40 TP, phường ĐK, thị xã AP, tỉnh Gia Lai. Khoảng tháng 01/2021, bà Nguyễn Thị Kim H1 có đến nhà của H mua hàng hóa nên quen biết với H.

Đầu tháng 3/2021, do cần tiền để trả nợ số tiền 1.000.000.000 đồng trước đó đã vay của bà Võ Thị Hồng V (Sinh năm 1976, trú tại: Số 13 đường LHP, tổ 5, phường. ĐK, thị xã AP) nên Lương Thị Nguyệt H đã đặt vấn đề vay của bà H1 số tiền 1.000.000.000 đồng, bà H1 đồng ý. Ngày 03/3/2021, bà H1 đã sử dụng tài khoản ngân hàng số 62610000039634 (mở tại ngân hàng BIDV Phố Núi) để chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng đến số tài khoản ngân hàng 62610000097979 (mở tại ngân hàng tại BIDV Phố Núi) của bị can H để cho H vay và đã được bị can H trả lại đầy đủ. Sau đó, Lương Thị Nguyệt H đưa ra thông tin gian dối về việc cần tiền để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng nhằm vay bà H1 số tiền lớn hơn, với mức lãi thỏa thuận từ 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày đến 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn 3-5 ngày trả lại. Do tin tưởng thông tin vay tiền để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng mà Lương Thị Nguyệt H đưa ra là thật nên bà H1 đồng ý cho H vay tiền. Quá trình vay, trả tiền giữa hai bên gồm giao nhận tiền mặt hoặc chuyển khoản, nhưng chủ yếu được thực hiện bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng giữa số tài khoản ngân hàng số 62610000049634 (mở tại ngân hàng BIDV Phố Núi) của bà H1 với 02 số tài khoản của H gồm: tài khoản 62610000097979 (mở tại ngân hàng tại BIDV Phố Núi) và số 5006205146519 (mở tại Agribank chi nhánh Ayunpa). Đồng thời, quá trình cho vay và trả nợ giữa hai bên đều nhắn tin qua điện thoại (số điện thoại 0916373182 của H và số điện thoại 0968493067 của bà H1) để đối chiếu xác nhận nợ với nhau. Thực chất sau khi nhận tiền vay từ bà H1, Lương Thị Nguyệt H không sử dụng vào mục đích làm đáo hạn ngân hàng như thông tin đã đưa ra mà sử dụng để voay vòng trả nợ cho các cá nhân khác gồm bà Võ Thị Hồng V, ông Nguyễn Huỳnh Tấn Đ, bà Kiều Thị Minh Ph. Đồng thời, H dùng chính số tiền nhận từ bà H1 để trả lại một phần tiền gốc, lãi cho bà H1 trong thời gian vài ngày giống như hình thức đáo hạn ngân hàng để làm cho bà H1 tin tưởng tiếp tục giao tiền cho H. Do đã tin tưởng bị can H dùng tiền để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng nên mỗi lần H liên hệ vay tiền thì bà H1 đều đồng ý chuyển tiền cho H. Việc giao tiền qua lại giữa Lương Thị Nguyệt H và Nguyễn Thị Kim H1 được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt (nhưng không

có giấy tờ). Sau khi chuyển tiền, H và H1 nhắn tin qua điện thoại xác nhận số tiền đã chuyển qua lại cho nhau cũng như số tiền gốc mà H chưa trả lại cho bà H1.

Quá trình điều tra xác định, từ ngày 02/7/2021 đến ngày 08/10/2021, với việc đưa ra thông tin gian dối về việc vay tiền để làm dịch vụ đảo hạn ngân hàng làm bà H1 tin tưởng giao tiền, Lương Thị Nguyệt H đã sử dụng tiền của bà H1 để trả nợ cho bà Võ Thị Hồng V, ông Nguyễn Huỳnh Tấn Đ, bà Kiều Thị Minh Ph và không trả lại cho bà H1 số tiền 13.300.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 5/7/2021, sau khi bà H1 chuyển số tiền 7.000.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của Lương Thị Nguyệt H thì H đã chuyển số tiền này cho Võ Thị Hồng V.

Ngày 08/7/2021, H đã sử dụng số tài khoản 5006205146519 chuyển trả bà H1 số tiền 2.500.000.000 đồng và sử dụng số tài khoản 62610000097979 để chuyển trả bà H1 số tiền 2.500.000.000 đồng.

Ngày 12/7/2021, sau khi bà H1 chuyển số tiền 5.000.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của Lương Thị Nguyệt H thì H đã sử dụng số tiền 3.500.000.000 đồng để chuyển cho Nguyễn Huỳnh Tấn Đ và sử dụng số tiền 1.5000.000.000 đồng để chuyển cho bà Võ Thị Hồng V.

Ngày 16/7/2021, H đã sử dụng số tài khoản 62610000097979 để chuyển trả bà H1 số tiền 7.090.000.000 đồng.

Ngày 19/7/2021, sau khi bà H1 chuyển số tiền 7.000.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của Lương Thị Nguyệt H thì H đã sử dụng số tiền này để chuyển cho bà Võ Thị Hồng V.

Ngày 23/7/2021, H đã sử dụng số tài khoản 62610000097979 để chuyển trả bà H1 số tiền 3.000.000.000 đồng và sử dụng số tài khoản 5006205146519 chuyển trả bà H1 số tiền 4.090.000.000 đồng.

Ngày 26/7/2021, bà H1 chuyển số tiền 7.000.000.000 đồng và bà PH1 chuyển số tiền 1.050.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của Lương Thị Nguyệt H, lúc này số dư trong tài khoản của H là 8.473.665.708 đồng thì H đã sử dụng để chuyển trả 300.000.000 đồng cho bà H1 và chuyển 8.096.000.000 đồng cho bà Vân.

Ngày 30/7/2021, H đã sử dụng số tài khoản 62610000097979 để chuyển trả bà H1 số tiền 8.000.000.000 đồng và xác nhận số tiền còn nợ bà H1 là 2.000.000.000 đồng.

Ngày 02/8/2021, bà H1 chuyển số tiền 8.000.000.000 đồng và bà PH1 chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của H, lúc này số dư trong tài khoản của Lương Thị Nguyệt H là 9.165.512.148 đồng thì H đã sử dụng số tiền 9.080.000.000 đồng để chuyển cho bà Võ Thị Hồng V và chuyển trả 18.000.000 đồng cho bà H1.

Ngày 06/8/2021, H sử dụng số tài khoản 5006205146519 chuyển trả bà H1 số tiền 4.000.999.992 đồng và sử dụng số tài khoản 62610000097979 để chuyển trả bà H1 số tiền 4.000.000.000 đồng.

Ngày 09/8/2021, bà H1 chuyển số tiền 8.000.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của Lương Thị Nguyệt H, lúc này số dư trong tài khoản của H là

9.988.222.043 đồng thì H đã sử dụng số tiền 9.900.000.000 đồng để chuyển cho bà Võ Thị Hồng V và sử dụng số tiền 16.000.000 đồng để chuyển trả cho bà H1.

Ngày 13/8/2021, H sử dụng số tài khoản 5006205146519 chuyển trả bà H1 số tiền 2.116.000.000 đồng và sử dụng số tài khoản 62610000097979 để chuyển trả bà H1 số tiền 8.000.000.000 đồng.

Ngày 16/8/2021, bà H1 chuyển số tiền 10.000.000.000 đồng, bà PH1 chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của Lương Thị Nguyệt H thì H đã sử dụng số tiền 11.000.000.000 đồng này để chuyển cho bà Võ Thị Hồng V.

Ngày 20/8/2021, H sử dụng số tài khoản 5006205146519 chuyển trả bà H1 số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ngày 23/8/2021, bà H1 chuyển số tiền 7.980.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của Lương Thị Nguyệt H, lúc này số dư trong tài khoản của H là 8.499.772.035 đồng thì H đã sử dụng số tiền 6.080.000.000 đồng để chuyển cho bà Võ Thị Hồng V và sử dụng số tiền 2.000.000.000 đồng để chuyển cho bà Kiều Thị Minh Ph.

Ngày 24/8/2021, bà H1 chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của Lương Thị Nguyệt H, lúc này số dư trong tài khoản của H là 7.418.072.035 đồng thì H đã sử dụng số tiền 7.000.000.000 đồng để chuyển cho ông Nguyễn Huỳnh Tấn Đ.

Ngày 27/8/2021, H đã sử dụng số tài khoản 62610000097979 để chuyển trả bà H1 số tiền 1.000.000.000 đồng và sử dụng số tài khoản 5006205146519 chuyển trả bà H1 số tiền 2.000.000.000 đồng.

Ngày 30/8/2021, bà H1 chuyển số tiền 2.000.000.000 đồng và bà PH1 chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của Lương Thị Nguyệt H, lúc này số dư trong tài khoản của H là 3.122.948.763 đồng thì H đã sử dụng số tiền 500.000.000 đồng để chuyển cho bà Vân. Sau khi bà H1 tiếp tục chuyển thêm số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của H, lúc này số dư trong tài khoản của H là 3.122.948.763 đồng thì H đã sử dụng số tiền 2.700.000.000 đồng để chuyển cho ông Nguyễn Huỳnh Tấn Đ. Tính đến ngày 31/8/2021, H còn nợ bà H1 số tiền gốc là 14.000.000.000 đồng và nhắn tin xác nhận nợ với bà H1.

Ngày 01/9/2021, H đã sử dụng số tài khoản 62610000097979 để chuyển trả bà H1 số tiền 7.300.000.000 đồng và sử dụng số tài khoản 5006205146519 chuyển trả bà H1 số tiền 1.784.000.000 đồng.

Ngày 06/9/2021, bà H1 chuyển số tiền 8.000.000.000 đồng và bà PH1 chuyển số tiền 3.400.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của Lương Thị Nguyệt H, lúc này số dư trong tài khoản của H là 11.418.668.782 đồng thì H đã sử dụng số tiền 11.400.000.000 đồng để chuyển cho ông Nguyễn Huỳnh Tấn Đ.

Ngày 08/9/2021, H đã sử dụng số tài khoản 62610000097979 để chuyển trả bà H1 số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 14/9/2021, H sử dụng số tài khoản 5006205146519 chuyển trả bà H1 số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 17/9/2021, H sử dụng số tài khoản

5006205146519 chuyển trả bà H1 số tiền 4.500.000.000 đồng và sử dụng số tài khoản 62610000097979 để chuyển trả bà H1 số tiền 4.500.000.000 đồng.

Ngày 20/9/2021, bà H1 chuyển số tiền 3.000.000.000 đồng và bà Vân chuyển số tiền 2.000.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của Lương Thị Nguyệt H, lúc này số dư trong tài khoản của H là 7.008.404.825 đồng thì H đã sử dụng số tiền 5.090.000.000 đồng để chuyển cho ông Nguyễn Huỳnh Tấn Đ.

Ngày 22/9/2021, bà H1 chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của Lương Thị Nguyệt H thì H đã sử dụng số tiền này để chuyển cho bà Võ Thị Hồng V.

Ngày 24/9/2021, bà H1 chuyển số tiền 4.000.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của Lương Thị Nguyệt H, lúc này số dư trong tài khoản của H là 4.117.804.825 đồng thì H đã sử dụng số tiền 3.000.000.000 đồng để chuyển cho ông Nguyễn Huỳnh Tấn Đ và 1.000.000.000 đồng để chuyển cho bà Võ Thị Hồng V.

Ngày 27/9/2021, H sử dụng số tài khoản 62610000097979 để chuyển trả bà H1 số tiền 3.000.000.000 đồng và sử dụng số tài khoản 006205146519 chuyển trả bà H1 số tiền 4.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 27/9/2021, số tiền H còn nợ bà H1 là 7.500.000.000 đồng.

Ngày 04/10/2021, bà H1 chuyển số tiền 3.000.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của Lương Thị Nguyệt H. H tiếp tục chuyển số tiền này đến tài khoản 5006205146519, lúc này số dư trong tài khoản 5006205146519 của H là 3.722.963.338 đồng. H đã sử dụng số tiền 3.002.000.000 đồng để chuyển cho bà Võ Thị Hồng V và sử dụng số tiền 500.000.000 đồng để chuyển trả cho bà H1. Ngày 06/10/2021, H tiếp tục sử dụng tài khoản 5006205146519 chuyển trả cho bà H1 số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ngày 07/10/2021, bà H1 chuyển số tiền 4.300.000.000 đồng vào tài khoản 62610000097979 của Lương Thị Nguyệt H. H tiếp tục chuyển số tiền này đến tài khoản 5006205146519, lúc này số dư trong tài khoản 5006205146519 của H là 4.712.644.505 đồng. Sau đó, H đã sử dụng số tiền 2.529.200.000 đồng để chuyển cho bà Võ Thị Hồng V và 500.000.000 đồng để chuyển trả cho bà H1.

Ngày 08/10/2021, H sử dụng tài khoản 5006205146519 chuyển trả cho bà H1 số tiền 1.000.000.000 đồng và chốt số tiền còn lại chưa trả bà H1 là 13.300.000.000 đồng. Từ ngày 08/10/2021 đến ngày 19/10/2021, do Lương Thị Nguyệt H còn nợ số tiền 13.300.000.000 đồng nhưng không trả nên bà H1 liên tục nhắn tin hỏi thúc Lương Thị Nguyệt H trả số tiền 13.300.000.000 đồng còn lại. Đến ngày 19/10/2021, H vẫn hứa hẹn nhưng không trả tiền nên bà H1 yêu cầu H viết giấy nhận nợ. H đã viết “Giấy mượn tiền” đề ngày 19/10/2021 có nội dung H đang nợ bà H1 số tiền 13.500.000.000 đồng (trong đó 13.300.000.000 đồng tiền gốc và 200.000.000 đồng tiền lãi) hứa hẹn trong vòng 01 tháng trả lại rồi giao cho bà H1 giữ. Ngày 27/10/2021, H thỏa thuận bán cho bà H1 01 căn nhà tại 38B Trần Phú, thị xã Ayun Pa với số tiền 4.000.000.000 đồng bằng hình thức bà H1 trả ngân hàng số tiền 1.000.000.000 đồng thay cho H để rút tài sản thế chấp là căn nhà nêu trên ra rồi làm thủ tục công chứng chuyển nhượng cho bà H1 để cân trừ số tiền 3.000.000.000 đồng. Sau khi cân trừ, H

viết nội dung “Hôm nay ngày 27/10/2021, tôi trả cho bà Nguyễn Thị Kim H1 3 tỷ đồng (Ba tỷ đồng chẵn) Còn lại 10.500 đồng (Mười tỷ năm trăm triệu đồng)” vào phần phía dưới “Giấy mượn tiền” ngày 19/10/2021.

Từ tháng 11/2021 đến tháng 03/2022, do bà H1 đã nhiều lần yêu cầu Lương Thị Nguyệt H trả tiền nhưng không được và biết được việc Lương Thị Nguyệt H sử dụng tiền vay của mình để trả nợ xoay vòng nên bà Nguyễn Thị Kim H1 đã làm đơn tố giác Lương Thị Nguyệt H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại Cáo trạng số 76/CT-VKSGL-P1 ngày 11/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lương Thị Nguyệt H tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

b. Về diễn biến phiên tòa:

* Bị cáo thừa nhận toàn nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng. Quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã tác động gia đình nộp bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lương Thị Nguyệt H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lương Thị Nguyệt H mức án từ 18 đến 19 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/11/2022

- Về dân sự: Buộc bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 10.450.000.000 đồng cho bị hại.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo đồng ý về tội danh và điều luật đã truy tố đối với bị cáo và các tình tiết khác. Mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, bị cáo đã thấy được hành vi phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án dưới mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: đồng ý với quan điểm luận tội và mức thấp của mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị.

* Bị hại đề nghị được nhận lại toàn bộ tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, đề nghị xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh D trình bày: anh đã tự nguyện nộp bồi thường cho phía bị hại với số tiền 50.000.000 đồng, gia đình sẽ cố gắng khắc phục phần còn lại cho phía bị hại. Anh không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hoạt động của các cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận như sau:

Do việc buôn bán thua lỗ, không còn khả năng để trả nợ Ngân hàng và cho các cá nhân khác khi đến hạn nên bị cáo Lương Thị Nguyệt H đã lợi dụng mối quan hệ quen biết từ trước với bà Nguyễn Thị Kim H1 và đưa ra thông tin gian dối về việc làm dịch vụ đảo hạn ngân hàng, hứa hẹn trả lãi xuất cao, trên thực tế bị cáo đã tạo niềm tin cho bà H1 bằng cách trả gốc và lãi đúng hạn trong những lần vay đầu và làm cho bà H1 tin tưởng thông tin H đưa ra là có thật.

Từ tháng 3/2021 đến tháng 10/2021 với thủ đoạn nêu trên H đã chiếm đoạt của bà H1 tổng số tiền 10.300.000.000 đồng, khi nhận được tiền của bà H1 H đã sử dụng số tiền này để trả nợ cho các cá nhân khác mà H vay trước đó, đồng thời sử dụng chính số tiền này để trả nợ gốc và lãi cho bà H1 từ đó dẫn đến mất khả năng thanh toán.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Về tình chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, thực hiện liên tục trong một thời gian dài với số tiền chiếm đoạt rất lớn, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác khi chiếm đoạt tiền các bị hại, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của tổ chức tín dụng. Hành vi đó cần được xử lý nghiêm, phải xét xử bị cáo mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài bằng hình phạt tù có thời hạn để cải tạo và giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã tác động gia đình nộp 50.000.000 đồng nhằm bồi thường một phần cho bị hại nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đối với bị hại, do đó bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim H1 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả cho bà số tiền 10.300.000.000 đồng đã bị chiếm

đoạt và số tiền lãi là 200.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bà là phù hợp, bị cáo đồng ý trả cho bà H1 tổng số tiền là 10.500.000.000 đồng nên cần chấp nhận.

Quá trình chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo đã nộp khắc phục tại Cơ quan thi hành án số tiền 50.000.000 đồng, nên được khấu trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường cho bà H1. Buộc bị cáo trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H1 số tiền 10.450.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

01 điện thoại di động thu của bị cáo Lương Thị Nguyệt H là công cụ bị cáo sử dụng trong quá trình phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng gia đình bị cáo nộp theo biên lai 0001118 ngày 20/6/2023 bà Nguyễn Thị Kim H1 được nhận.

[7] Đối với hành vi của những người liên quan:

- Đối với việc bị cáo Lương Thị Nguyệt H khai nhận quá trình vay mượn tiền, bà Nguyễn Thị Kim H1 có cho vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày: Quá trình điều tra bà Nguyễn Thị Kim H1 khai nhận đến đầu tháng 10/2021, bị cáo H có nhờ bà H1 vay tiền và hứa hẹn trả lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày nhưng bà H1 không đồng ý. Ngoài lời khai của bị cáo H không có tài liệu chứng minh việc vay mượn với mức lãi suất này cũng như số tiền gốc, tiền lãi thu được để xác định số tiền thu lợi bất chính. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với bà Nguyễn Thị Kim H1 về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Đối với việc bị cáo Lương Thị Nguyệt H khai quá trình vay mượn tiền, ông Nguyễn Huỳnh Tấn Đ có cho vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, việc thỏa thuận lãi suất này qua tin nhắn zalo nhưng bị can H đã xóa các tin nhắn này. Quá trình điều tra, ông Nguyễn Huỳnh Tấn Đ khai nhận có cho bị cáo H vay tiền với mức lãi suất từ 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đến 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tùy theo khoản vay. Tuy nhiên, việc trả lãi giữa hai bên thực hiện bằng hình thức trả tiền mặt. Ngoài lời khai, không có căn cứ xác định số tiền gốc, lãi cũng như số tiền thu lợi bất chính mà Huỳnh Tấn Đạt đã thu được từ việc cho Lương Thị Nguyệt H vay với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày là bao nhiêu. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với Huỳnh Tấn Đạt về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lương Thị Nguyệt H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lương Thị Nguyệt H 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/11/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Xử: Buộc bị cáo Lương Thị Nguyệt H phải trả cho bị hại Nguyễn Thị Kim H1 số tiền 10.500.000.000 đồng (Mười tỷ năm trăm triệu đồng). Gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Bị cáo còn phải bồi thường cho bà H1 số tiền 10.450.000.000 đồng (Mười tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Khi bản án có hiệu lực pháp luật bị hại Nguyễn Thị Kim H1 có quyền liên hệ với Cơ quan thi hành án để nhận số tiền 50.000.000 đồng (Theo biên lai số 0001118 ngày 20/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai) mà gia đình bị cáo đã nộp để bồi thường.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 phong bì niêm phong của phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Gia Lai, mặt trước của bì công văn có ghi “Điện thoại di động của Lương Thị Nguyệt H thu giữ khi bắt”, mặt sau bì niêm phong có đóng dấu đỏ của phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Gia Lai, chữ ký Lương Thị Nguyệt H và Trần Công Thịnh.

Vật chứng nêu trên có đặc điểm, tình trạng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 90/2023, ngày 18/5/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Gia Lai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 118.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

7. Về thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND cấp cao
- TAND cấp cao
- Viện KSND tỉnh Gia lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tam giam T20;
- Bị cáo; bị hại
- Lưu Tòa HS, VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Văn Hiến